



SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

LOẠN DƯỠNG 20 MÓNG Ở TRẺ EM: ĐIỀU TRỊ HAY THEO DÕI?

BÁO CÁO VIÊN:

ThS. BS. Trần Bá Tòng

BS. CK2 Phạm Văn Sơn

Khoa Ngoại – Bệnh viện Da Liễu TP. Hồ Chí Minh.



NẤM MÓNG?



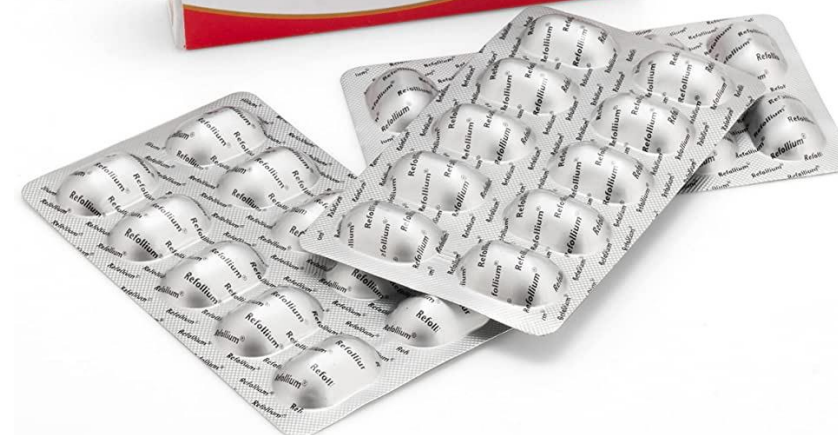
Vi nấm soi tươi



KHÔNG TÌM THẤY VI NẤM

LOẠN
DƯỠNG
MÓNG!

“Có đỡ một chút xiu”



LOẠN DƯỠNG 20 MÓN (TWENTY-NAIL DYSTROPHY)

TRACHYONYCHIA

Từ đồng nghĩa



- The term trachyonychia, also known as twenty-nail dystrophy,
- Trachyonychia
Trachyonychia, or twenty-nail dystrophy (TND),
- **Idiopathic trachyonychia (twenty-nail dystrophy): a pathological study of 23 patients**

A. TOSTI, F. BARDAZZI, B.M. PIRACCINI, P.A. FANTI

Không đặc trưng

Không nói lên được
nguyên nhân

Nhiều bệnh lý ảnh
hưởng 20 móng

LOẠN DƯỠNG 20 MÓN (TWENTY-NAIL DYSTROPHY)

TRACHYONYCHIA

LOẠN DƯỠNG 20 MÓNG
(TWENTY-NAIL DYSTROPHY)

TRACHYONYCHIA

TRACHYONYCHIA

trakos : nhám (rough)

Onycho : móng



TRACHYONYCHIA

- Gặp ở mọi lứa tuổi, thường nhất ở trẻ em 3 - 12 tuổi
- Vô căn (> 50%) hoặc liên quan rụng tóc từng vùng, vẩy nến, lichen phẳng, viêm da cơ địa
- **Ảnh hưởng 1-20 móng**
- Hai thể chính: thể sáng bóng (shiny trachyonychia) và thể mờ đục (opaque trachyonychia)



THỂ SÁNG BÓNG
SHINY TRACHYONYCHIA



THỂ MỜ ĐỤC
OPAQUE TRACHYONYCHIA



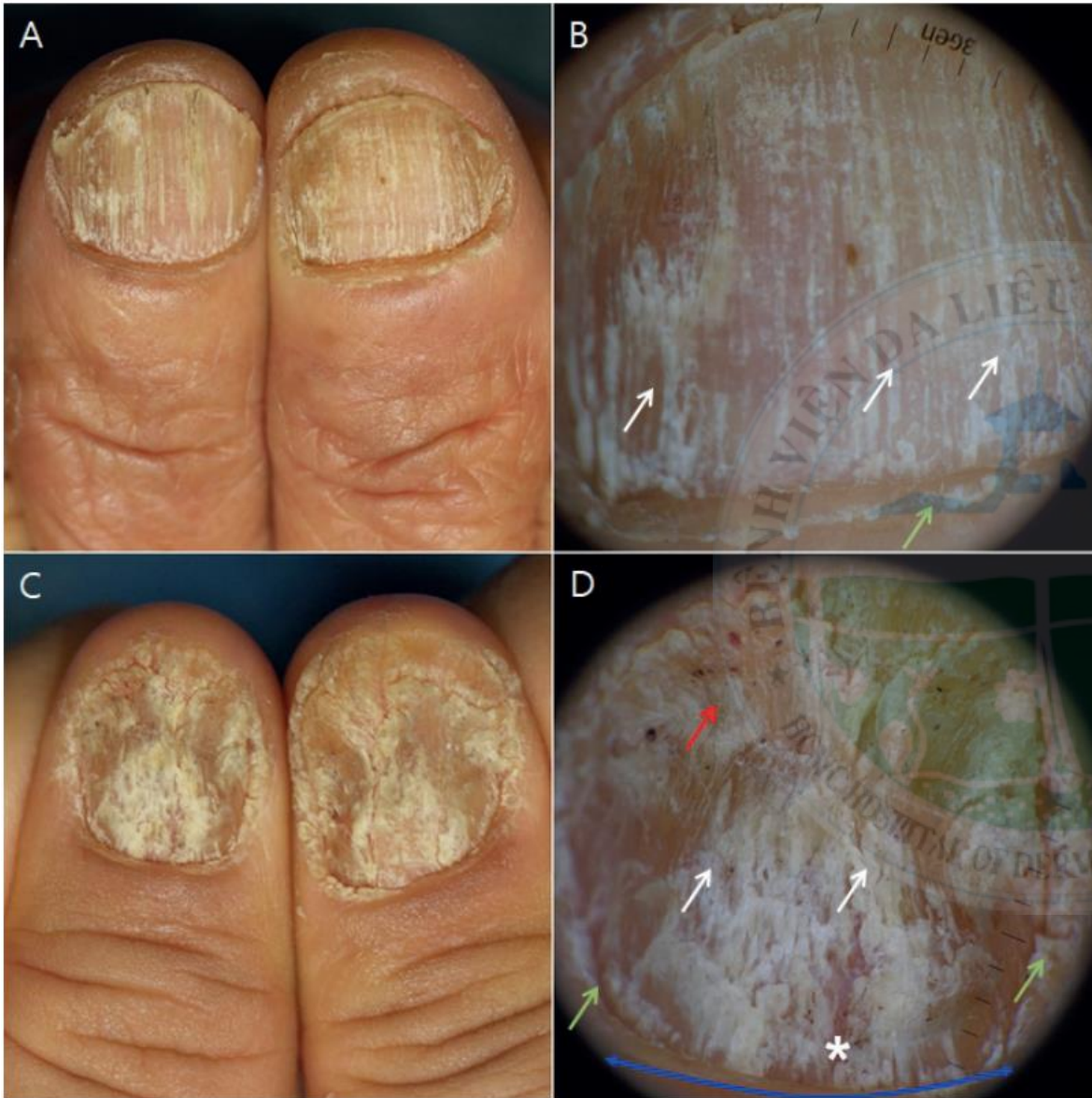
- Ít gập hơn
- Ảnh hưởng ít móng hơn
- Lỗ nhỏ trên đĩa móng
- Đĩa móng sáng

THẺ SÁNG BÓNG
SHINY TRACHYONYCHIA



- Thường gập hơn
- Ảnh hưởng nhiều móng hơn
- Móng nhám (rough nail)
- Đường dọc (longitudinal ridging)
- Móng lõm (koilonychia)
- Cuticles: dày và sần sùi

THỂ MỜ ĐỤC
OPAQUE TRACHYONYCHIA



Đường dọc (longitudinal ridging)

Cuticles dày và sần sùi

**Shiny
trachyonychia**

**Opaque
trachyonychia**



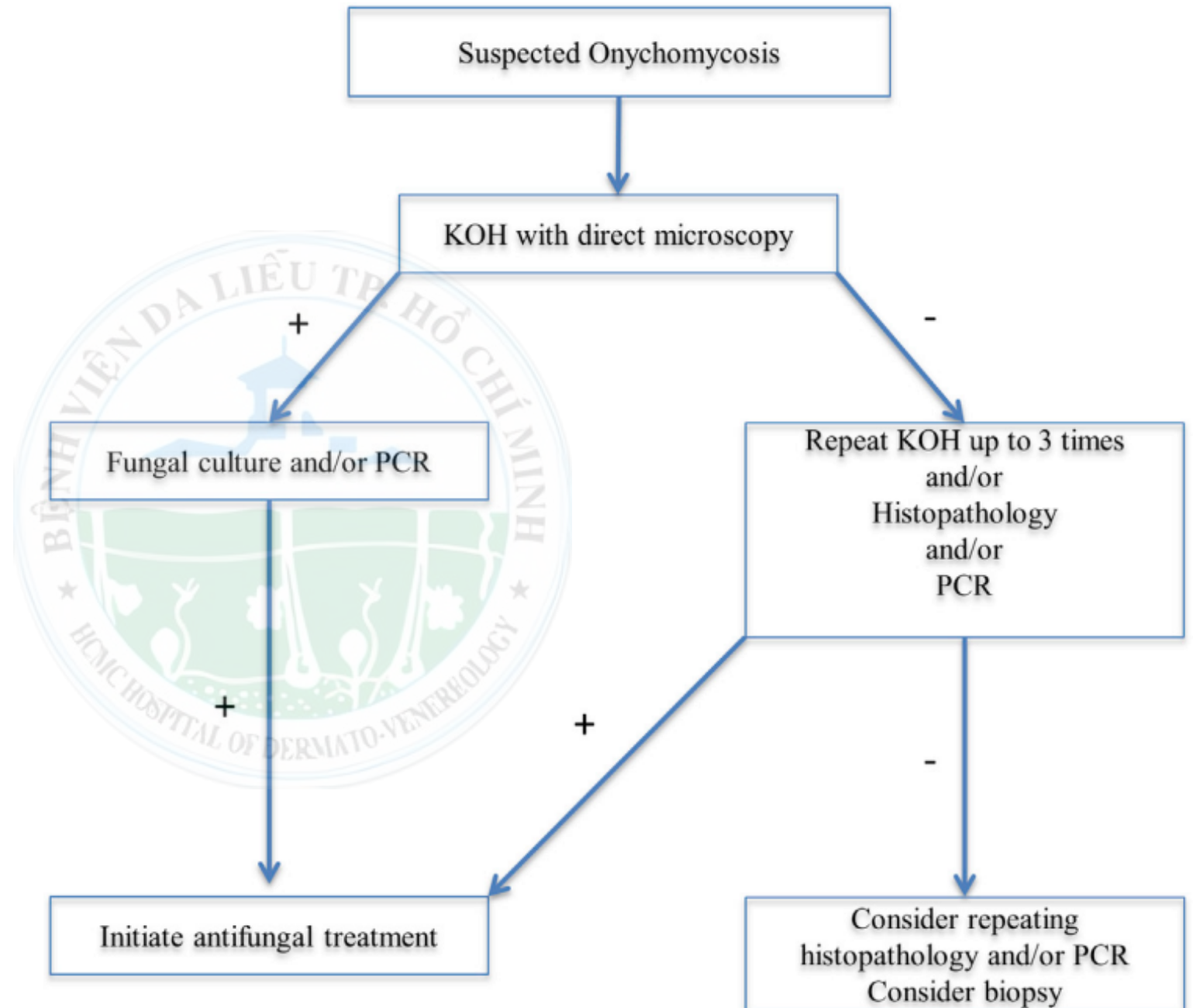
ĐỘ NẶNG

CHẨN ĐOÁN PHÂN BIỆT

NẤM MÓNG



LƯU ĐỒ CHẨN ĐOÁN NẤM MÓNG





Vi
nấm
sợi
tươi
(+)



BN nam 74 tuổi, bệnh 3 năm



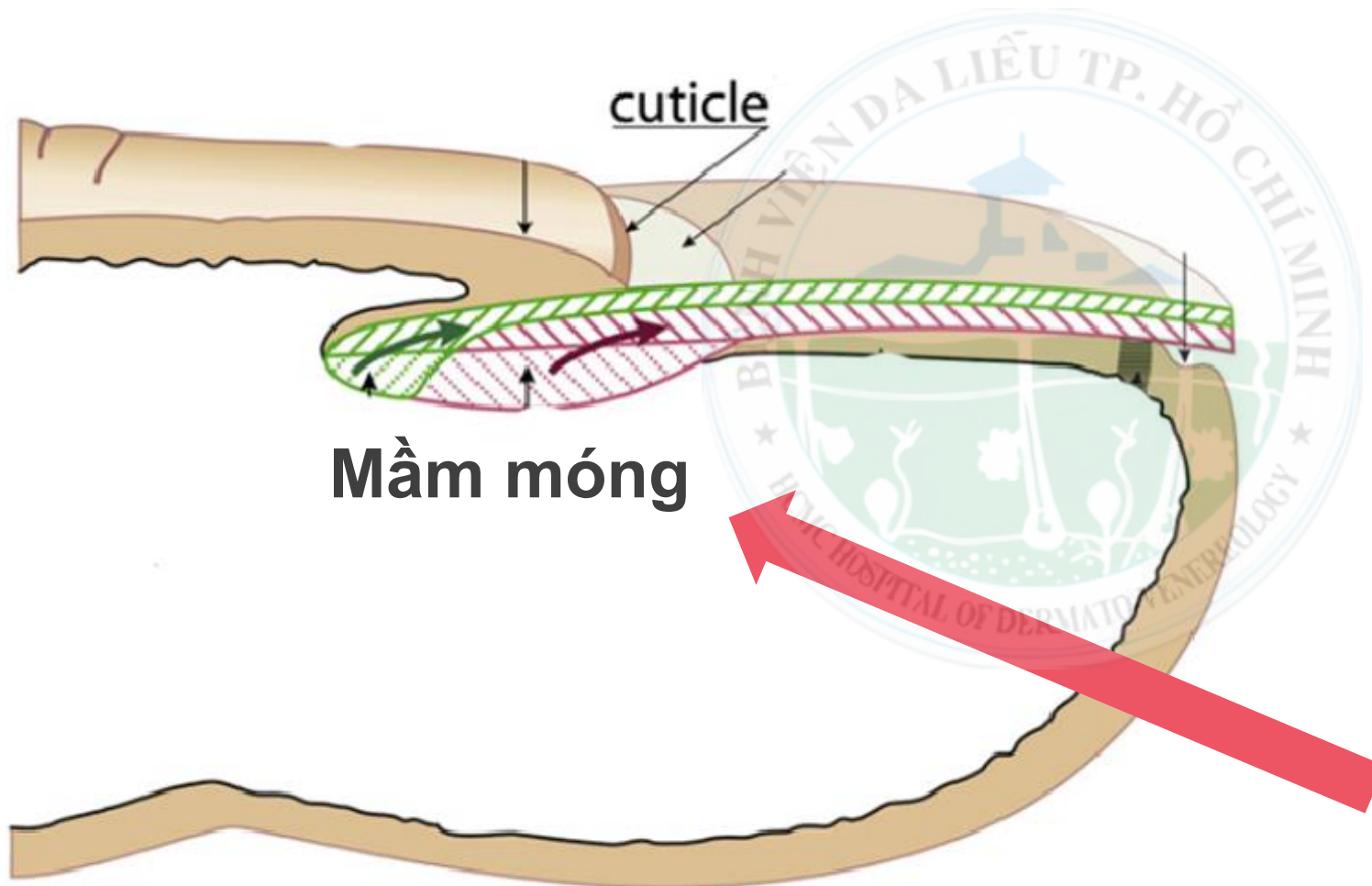
Vi nấm soi tươi (-)

Cây nấm: *Candida albicans*

Δ: Nấm móng đơn thuần?

Δ: Trachyonychia + nấm móng?

SINH BỆNH HỌC



Tổn thương ở
mầm móng

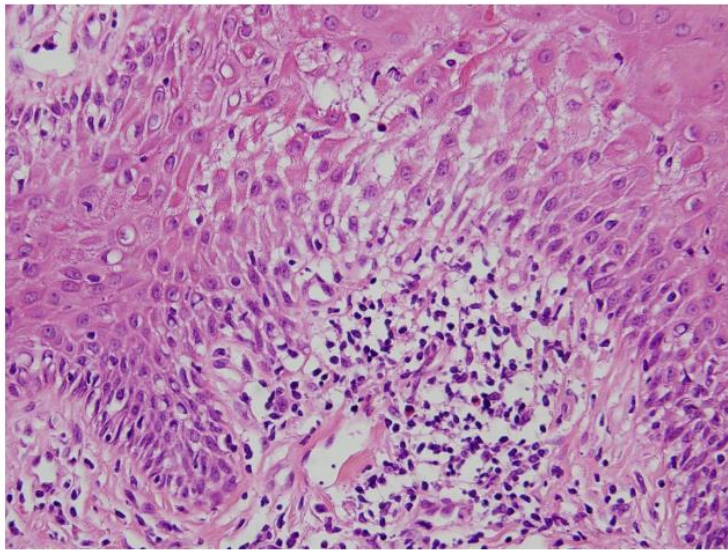
SINH THIẾT MÓNG



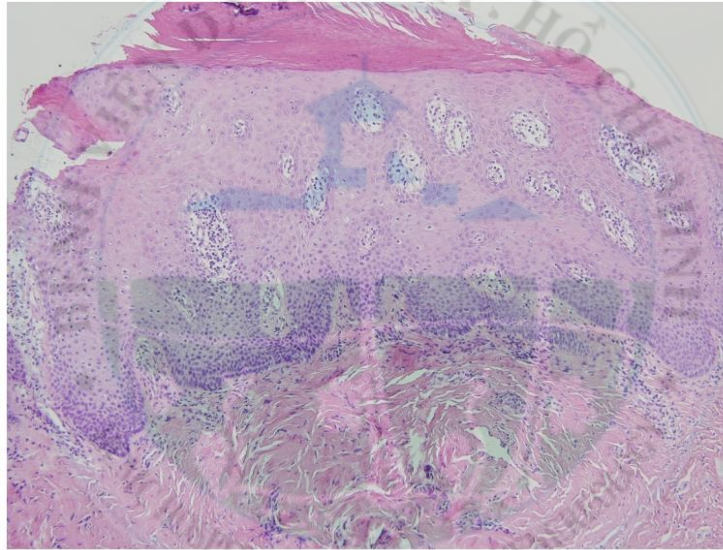
- Không phải là chỉ định bắt buộc
- Nguy cơ sẹo/ tổn thương mầm móng
- Sinh thiết khi:
 - Tổn thương móng nặng, nhiều móng, kháng trị, diễn tiến lâu
 - Chẩn đoán phân biệt

Histopathologic findings of idiopathic trachyonychia: An analysis of 30 adult patients

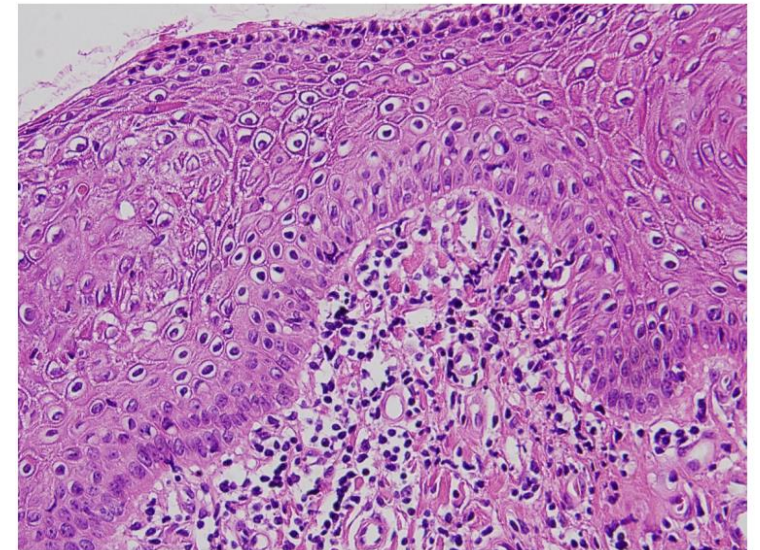
Keunyoung Hur¹, Byeol Han¹, Sophie Soyeon Lim², Je-Ho Mun^{1 3}



Xốp bào (53.3%)



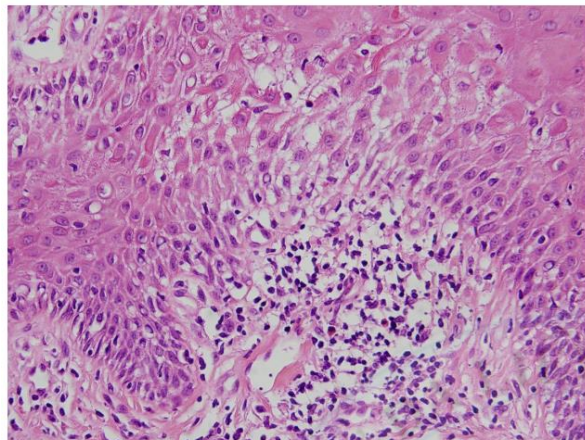
Dạng vảy nến (16.7%)



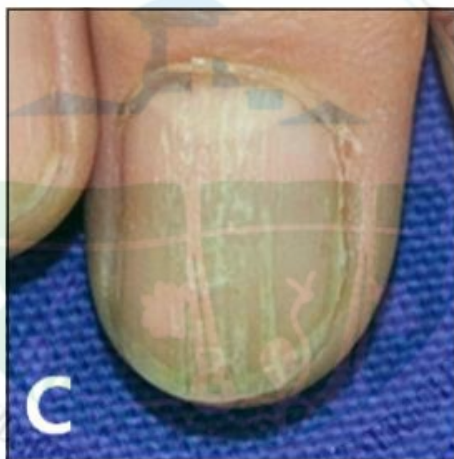
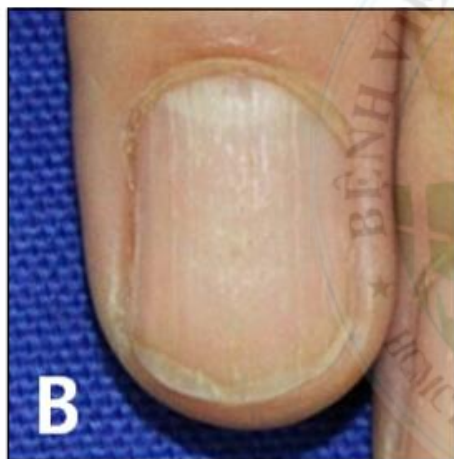
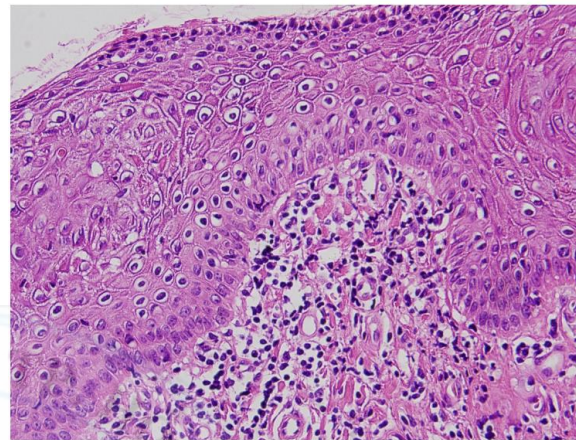
Dạng lichen(13.3%)

THÂM NHIỄM LYMPHOCYTE Ở LỚP BÌ NÔNG (93.3%)

**Thể sáng
bóng**



Thể mờ đục



Thâm nhiễm tb viêm ít, gián
đoạn, xen kẽ giai đoạn mầm
móng bình thường

Thâm nhiễm tb viêm
nhiều, liên tục

ĐIỀU TRỊ HAY THEO DÕI?



Long-Term Follow-Up of Pediatric Trachyonychia

Monique G. Kumar, M.Phil., M.D., Heather Ciliberto, M.D., and Susan J. Bayliss, M.D.

- 11 bệnh nhi
- Δ: Trachyonychia vô căn
- Tất cả ngưng điều trị sau vài tháng
- Theo dõi # 5.5 năm

TABLE 1. Summary of Patient Details

Outcome	Patient	Age at onset, years	Sex	Fingernails affected, <i>n</i>	Toenails affected, <i>n</i>	Treatment	Follow-up, months
Complete resolution	1	2	Male	9	4	Fluocinonide solution	101
	2	2	Female	10	10	Fluocinonide solution	63
	3	2	Female	10	10	Fluocinonide cream	32
	4	3	Male	10	10	Fluocinonide solution	96
	5	4	Female	10	10	Fluocinonide solution	102
	6	4	Female	10	10	Vitamin supplement	95
	7	6	Male	10	10	Petrolatum	22
	8	6	Male	10	10	Triamcinolone 0.1% ointment	21
	9	7	Female	10	10	Fluocinonide solution	126
No change	10	3	Female	10	10	Fluocinonide cream	10
	11	4	Female	10	10	Fluocinonide gel	59

82%
cải thiện

“regardless of the treatment option or length”

18%
không cải thiện



SAU 22 THÁNG THEO DÕI

Clinical study of twenty-nail dystrophy in Korea

Young Bok Lee, MD, Min Seok Cheon, MD, Hyun Jeong Park, MD, and Baik Kee Cho, MD

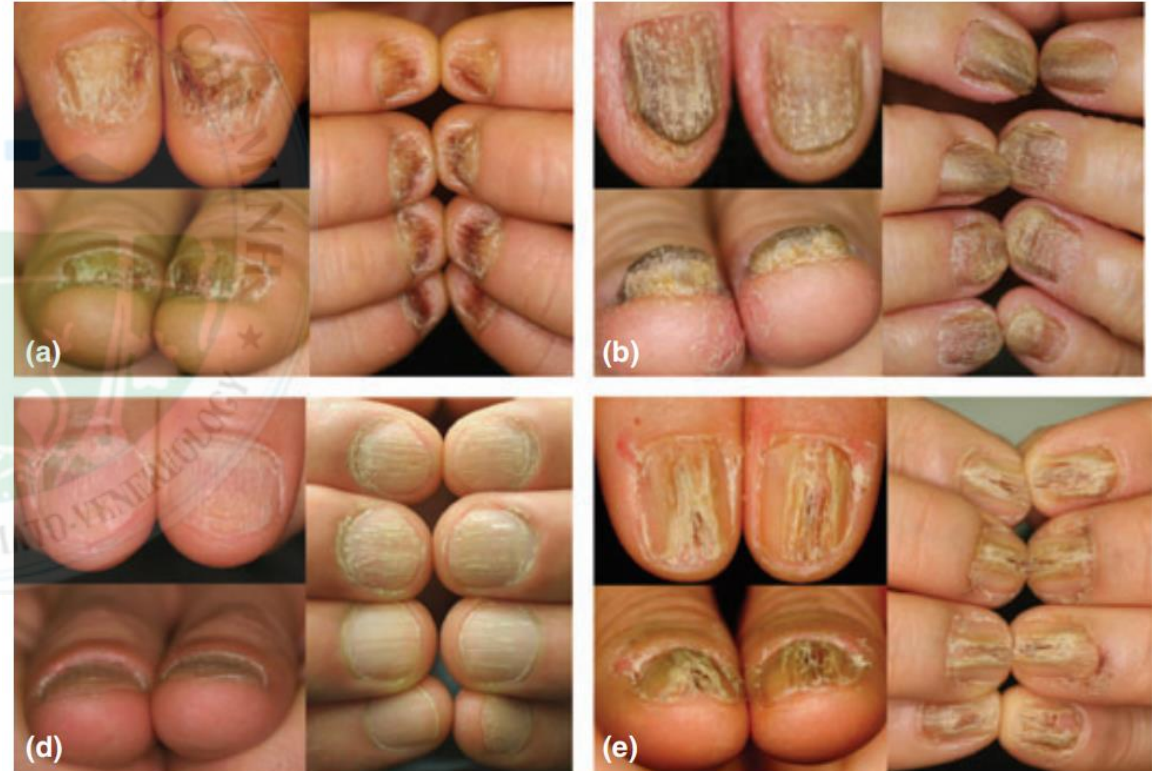
88 bệnh nhân

- 20 trẻ em/ vị thành niên
- 68 người lớn

Thời gian: 17 năm

Thời gian bệnh

- Trẻ em/ vị thành niên: 32.5 ± 9.7 tháng
- Người lớn: 77 ± 10 tháng
- Thở sáng bóng < Thở mờ đục



TRACHYONYCHIA TRẺ EM IDIOPATHIC

TỰ GIỚI HẠN



TRẦN AN
THEO DÕI



THỂ SÁNG BÓNG
SHINY TRACHYONYCHIA

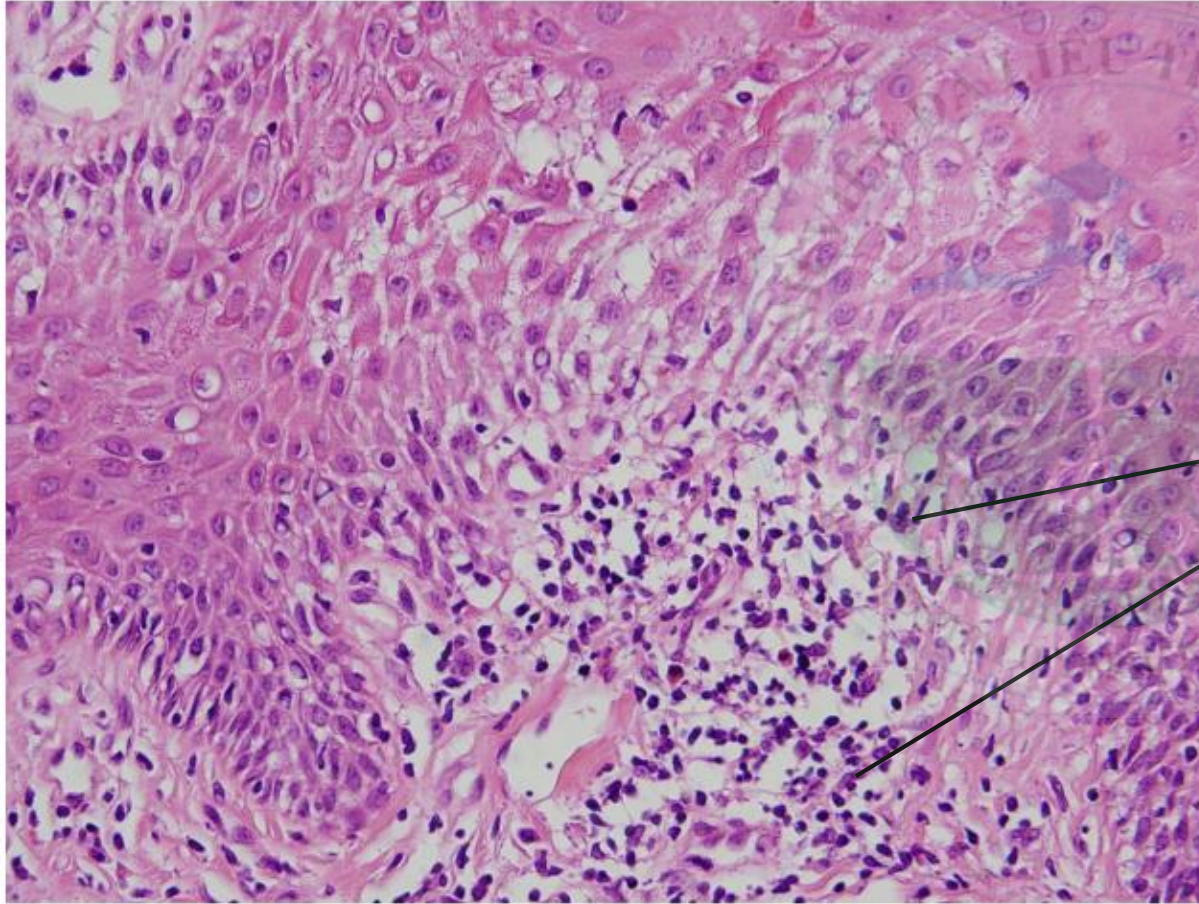
**IT'S NOT
ENOUGH**



NHU CẦU ĐIỀU TRỊ



ĐIỀU TRỊ



Kháng viêm / Ư'CMD

- Dạng bôi
- Dạng tiêm
- Dạng uống



Viêm/ thâm nhiễm
lymphocyte bì nông



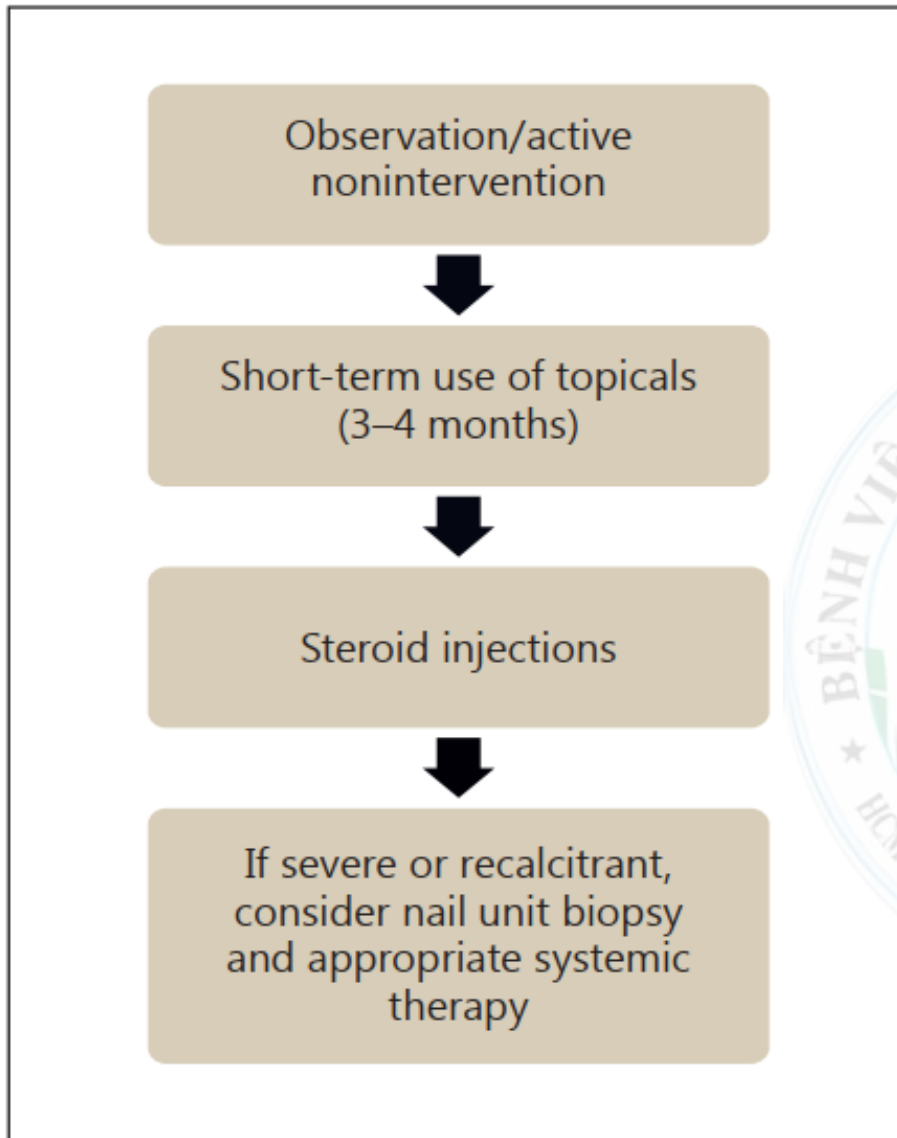
Mầm móng

Xốp bào
Dạng vảy nến/ lichen



Móng nhám

LƯU ĐỒ ĐIỀU TRỊ



Betamethasone dipropionate/ calcipotriol oinment
Tazaroten

Triamcinolone acetonide 2.5-10 mg/ml

Corticosteroid (mini pulse)
Cyclosporin
Acitretin (Trachyonychia do vảy nến)

Fig. 4. Treatment algorithm for trachyonychia.

Efficacy and Safety of Calcipotriol/Betamethasone Dipropionate Ointment for the Treatment of Trachyonychia: An Open-Label Study



- 39 bệnh nhân
- Bệnh ~ 49 tháng
- Thoa Daivobet nếp móng gần, 1 lần/ngày, không kèm băng bột

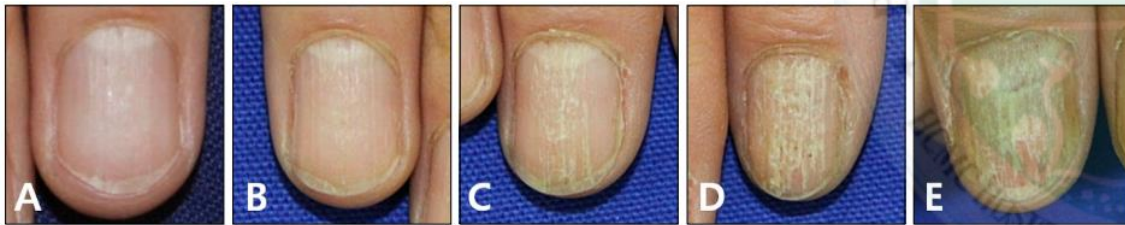


Fig. 1. Severity index of trachyonychia: (A) stage 0, (B) stage I, (C) stage II, (D) stage III, (E) stage IV.

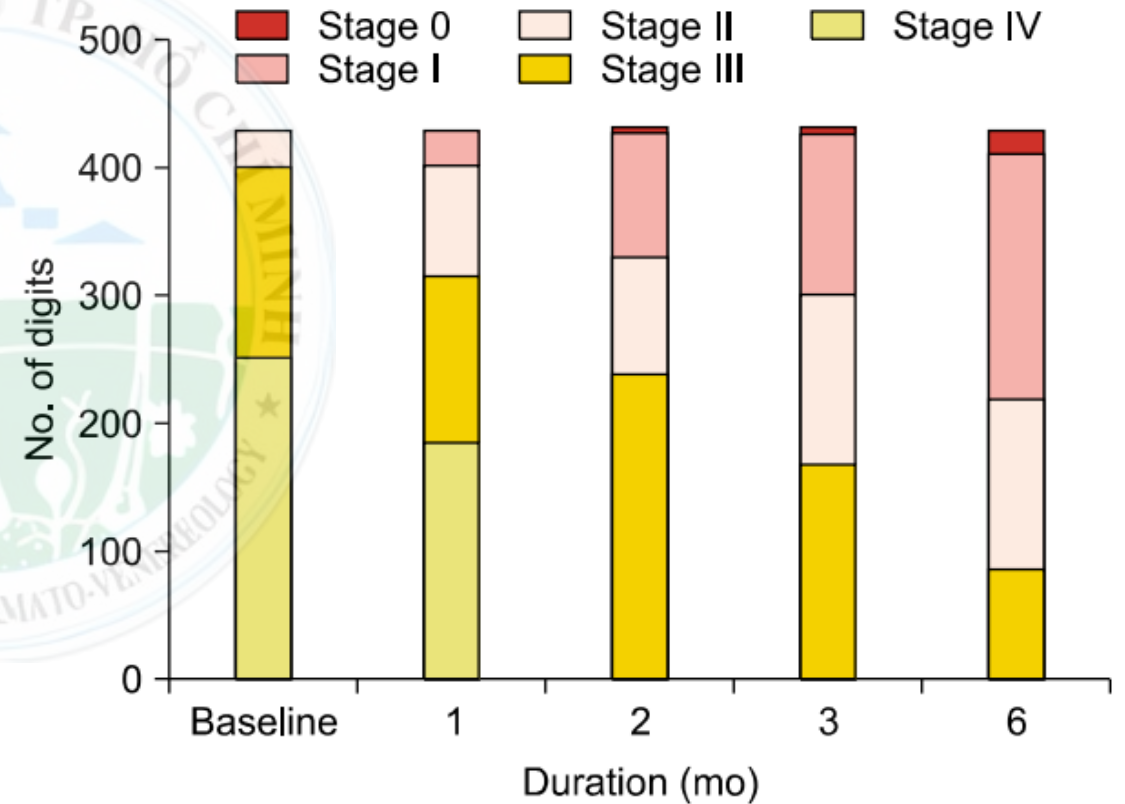


Fig. 3. Temporal changes of physician global assessment score (n = 432 nails).

Efficacy and Safety of Calcipotriol/Betamethasone Dipropionate Ointment for the Treatment of Trachyonychia: An Open-Label Study



KHÔNG TEO DA
NẾP MÓNG GẦN

LETTER TO THE EDITOR

Cyclosporin administration improves clinical manifestations and quality of life in patients with 20-nail dystrophy: Case series and survey study

Cải thiện DLQI

- 15 bệnh nhân, 17 – 67 tuổi
- Bệnh 10.3 ± 2.5 năm
- Thất bại: Kháng nấm, corticoid tiêm trong sang thương
- Cyclosporin 2 – 3.5 mg/kg -> 1.5 mg/kg (liều thấp) trong 8 - 24 tháng
- Cải thiện 15/ 15 bn (100%)

Table 1. Changes of Dermatology Life Quality Index (DLQI) according to the responses to cyclosporin treatment

	DLQI before treatment	DLQI after treatment	P-value*
Symptoms (0–3)	1.7 ± 1.2	0.7 ± 0.7	0.005
Feelings (0–3)	2.5 ± 0.6	1.1 ± 1.1	<0.001
Daily activities (0–6)	5.0 ± 1.6	2.5 ± 5.4	<0.001
Leisure (0–6)	3.7 ± 2.2	1.9 ± 4.0	0.009
Work/school (0–3)	1.8 ± 1.5	1.1 ± 1.2	0.093
Personal relationships (0–6)	1.6 ± 2.3	0.8 ± 1.2	0.105
Treatment (0–3)	1.8 ± 0.7	1.5 ± 0.8	0.418
Total (0–30, $n = 15$)	18.1 ± 5.1	9.5 ± 7.9	<0.001
Slight improvement ($n = 2$)	16.0 ± 0.0	15.5 ± 0.7	0.132**
Significant improvement ($n = 11$)	19.1 ± 4.8	9.9 ± 8.1	
Complete resolution ($n = 2$)	15 ± 9.9	1 ± 1.4	

CA LÂM SÀNG



#1 BN nam, 11 tuổi, bệnh 1 năm
Vi nấm soi tươi (-)
Δ: Trachyonychia vô căn

Điều trị: mỡ Betamethasone
dipropionate/ calcipotriol (Daivobet)



TAY TRÁI



Sau 4 tháng

TAY PHẢI



Sau 4 tháng

#2 BN nam, 11 tuổi, bệnh 7 tháng
Vi nấm soi tươi (-).

Δ: Trachyonychia vô căn

Đã điều trị

- Vitamin, Fe, Zn... nhiều tháng
- Mỡ Asosalic và Tacrolimus 0.03% 3 tháng

Kém đáp ứng



Phối hợp

Mỡ Betamethasone dipropionate/ calcipotriol

(Daivobet) + điều trị hệ thống:

Methotrexate 7.5 mg/ tuần



TAY TRÁI



Sau 1 tháng



Sau 3 tháng

TAY TRÁI

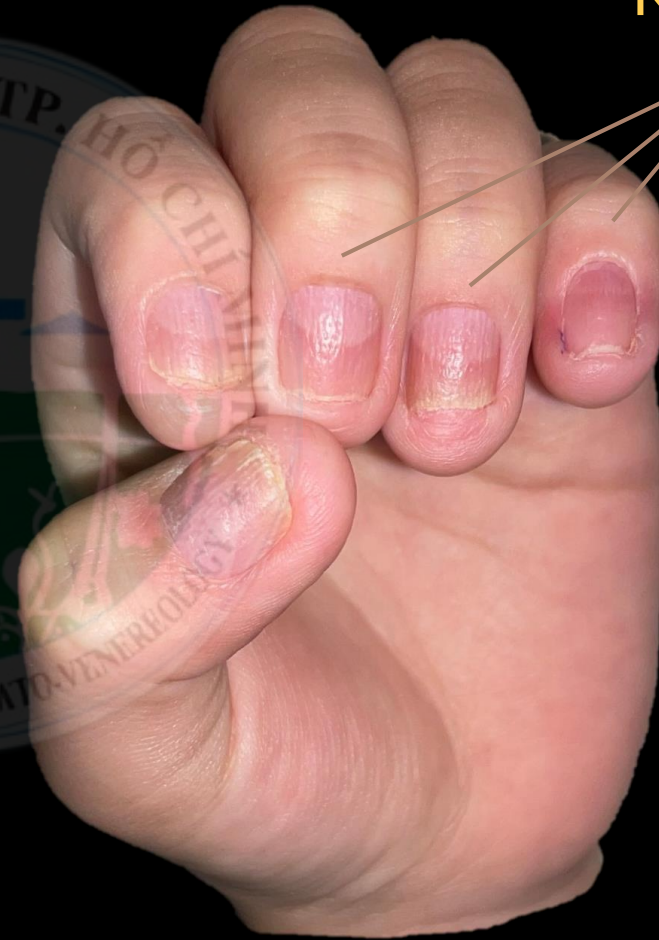


Sau 3 tháng



Sau 5 tháng

TAY TRÁI



Không teo da

Sau 5 tháng

TAY PHẢI



Sau 1 tháng



Sau 3 tháng



TAY PHẢI



Sau 3 tháng



Sau 5 tháng

TAY PHẢI



Sau 5 tháng

CHÂN PHẢI



Sau 1 tháng



Sau 5 tháng

CHÂN TRÁI



Sau 1 tháng



Sau 5 tháng



Sau 5 tháng



Bóng nữa
được không
BS?



Sau 5 tháng



Bóng nữa
được không
BS?

#3



#4



Trachyonychia (Loạn dưỡng 20 móng)

“Trẻ em”

“Tự vấn”

“Theo dõi”

“Tự giới hạn”

“Thâm nhiễm
viêm ở màn
móng”

“Mỡ
betamethasone
/calcipotriol”

“Cycloposrin
Methotrexate”

Thank You

